

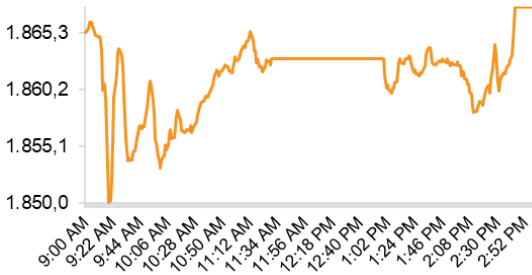
KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
+84 2439724568
Research@vndirect.com.vn
vndirect.com.vn

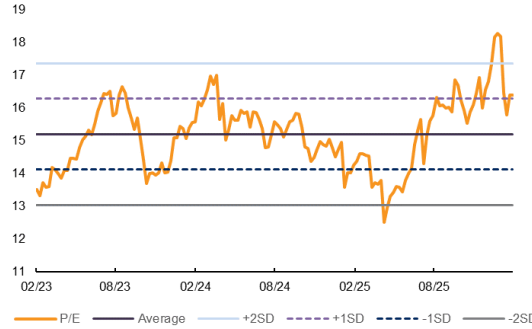
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.867,6	262,7	128,0
1 ngày (%)	0,4	0,3	0,0
1 tháng (%)	-0,2	3,9	0,8
Từ 2026	4,7	5,6	5,8
1 Năm (%)	43,2	10,2	27,8
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	331	16	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,3	1,4	0,6
Số mã tăng	273	96	158
Số mã giảm	67	55	78
Số mã tham chiếu	65	145	512

Nguồn: Bloomberg

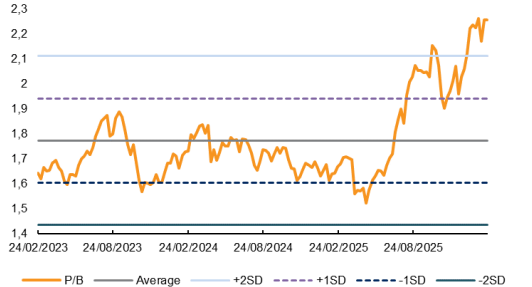
VN-INDEX



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index tăng nhẹ khi nhóm dầu khí duy trì đà tăng điểm

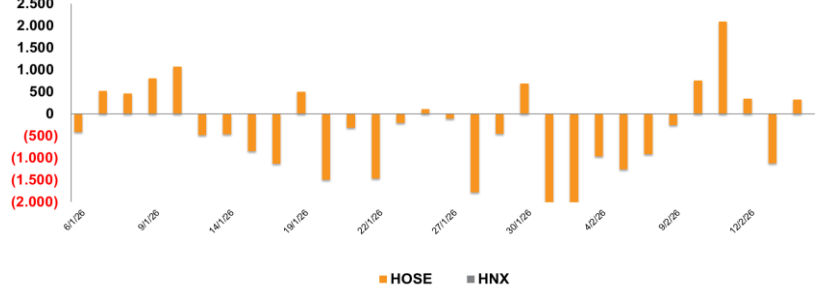
Phiên giao dịch ngày 24/02, thị trường tiếp tục duy trì sắc xanh nhưng với nhịp tăng khiêm tốn hơn so với phiên trước đó. VN-Index đóng cửa tại 1.867,62 điểm, tăng +7,48 điểm (+0,40%) so với phiên liền trước. Độ rộng thị trường cho thấy diễn biến phân hóa khi có 187 mã tăng, 142 mã giảm, phản ánh tâm lý thận trọng kết hợp với lựa chọn cổ phiếu có tính chọn lọc của nhà đầu tư.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.050,85 điểm, tăng +11,05 điểm (+0,54%). Nhóm VN30 cũng có diễn biến phân hóa với 16 mã tăng và 14 mã giảm, cho thấy lực kéo từ một số mã vốn hóa lớn không đủ lan tỏa đồng đều. Xét theo nhóm ngành, nhóm Dầu khí (+4,34%) là nhóm dẫn dắt rõ rệt trong phiên khi thu hút dòng tiền mạnh, đóng góp tích cực vào đà tăng của chỉ số. Các nhóm Hóa chất (+2,55%), Tài nguyên (+1,79%) và Bảo hiểm (+1,78%) cũng ghi nhận mức tăng đáng kể, cho thấy dòng tiền có xu hướng tăng trưởng cụ thể. Ở chiều ngược lại, Viễn thông (-2,19%) và Công nghệ (-1,78%) là hai nhóm chịu áp lực điều chỉnh, trong khi Ngân hàng (-0,56%) chỉ giảm nhẹ và không còn đóng vai trò hỗ trợ điểm số như phiên trước.

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh ngày 24/02 tăng trưởng lên mức 31.285 tỷ đồng, tăng 37% so với phiên trước đó và cao hơn so với ngưỡng trung bình của 20 phiên gần nhất. Sự gia tăng thanh khoản cùng mức tăng nhẹ vào cuối phiên của chỉ số cho thấy dòng tiền đã trở lại nhưng vẫn thận trọng và có tính chọn lọc. Trong bối cảnh thị trường đang thận trọng hơn sau phiên tăng trưởng ấn tượng trước đó, nhà đầu tư cần duy trì sự tỉnh táo để tối ưu hóa lợi nhuận: Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: (1) Nên tiếp tục nắm giữ các mã thuộc nhóm ngành đang thu hút dòng tiền mạnh như Ngân hàng và Tài chính. (2) Tận dụng các nhịp tăng mạnh để cơ cấu danh mục, tập trung vốn vào các mã có sức mạnh giá vượt trội. Với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: (1) Có thể bắt đầu giải ngân quyết liệt hơn vào các nhóm ngành dẫn dắt đã xác nhận xu hướng tăng. (2) Ưu tiên các cổ phiếu có nền tảng cơ bản vững chắc và tránh mua đuổi tại các phiên tăng quá nóng để quản trị rủi ro biến động ngắn hạn.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,6	149,2	4,0	-0,5	0,8	1,4	38,7	37,7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,6	24,9	5,8	0,2	-0,4	-0,5	14,0	25,0
Năng lượng	2,8	27,9	2,3	5,3	25,0	63,8	84,5	143,3
Tài chính	39,1	13,1	1,9	-0,1	-0,4	9,3	28,1	29,8
Chăm sóc sức khỏe	0,5	38,9	2,9	0,4	1,7	5,3	14,8	1252,5
Công nghiệp	7,5	24,6	5,3	0,7	0,1	0,3	55,6	61,8
Công nghệ thông tin	2,1	18,2	4,2	-1,9	-6,8	-0,6	-19,8	20,6
Vật liệu xây dựng	6,5	22,4	2,1	3,0	6,1	21,4	16,8	168,9
Bất động sản	24,4	63,3	5,8	0,3	-3,4	-5,3	461,3	-9,1
Dịch vụ tiện ích	4,8	19,8	3,2	1,1	6,9	36,7	47,2	389,1

Mua/(bán) ròng của nhà đầu tư nước ngoài (tỷ đồng)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Mỹ:** Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ (U.S. Customs and Border Protection) sẽ ngừng thu các khoản thuế áp theo Đạo luật Quyền lực Kinh tế Khẩn cấp Quốc tế (IEEPA) kể từ 12:01 a.m. EST ngày 24/02, sau khi Tòa án Tối cao Mỹ tuyên các mức thuế này là bất hợp pháp.
- **Trung Quốc:** Trung Quốc tiếp tục giữ nguyên lãi suất tham chiếu cho vay (Loan Prime Rate – LPR) trong tháng 2/2026, đánh dấu lần thứ 9 liên tiếp không điều chỉnh. Cụ thể, LPR kỳ hạn 1 năm duy trì ở mức 3,0%, trong khi LPR kỳ hạn 5 năm giữ ở 3,5%.

Tin vĩ mô trong nước

- **Lãnh đạo cấp cao Việt Nam nhấn mạnh mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng GDP trên 10% mỗi năm trong giai đoạn 2026–2030, nhằm đưa Việt Nam tiến gần hơn tới mục tiêu trở thành quốc gia có thu nhập cao.** Định hướng này phản ánh tham vọng tăng tốc phát triển dựa trên đầu tư công quy mô lớn, thu hút FDI chất lượng cao, chuyển đổi số và công nghiệp công nghệ cao, đồng thời đòi hỏi cải cách thể chế sâu rộng để nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh quốc gia.

Tin ngành và doanh nghiệp

- **NAB – Moody’s nâng triển vọng tín dụng lên “Tích cực”, ghi nhận cải thiện nền tảng tài chính:** Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank) (HOSE: NAB) vừa được Moody’s Investors Service nâng triển vọng xếp hạng tín dụng từ “Ổn định” lên “Tích cực”, phản ánh xu hướng cải thiện rõ nét về chất lượng tài sản, hiệu quả hoạt động và năng lực vốn của ngân hàng. Theo đánh giá của Moody’s, việc điều chỉnh triển vọng dựa trên các yếu tố gồm: chất lượng tài sản cải thiện, kiểm soát rủi ro tốt hơn trong bối cảnh kinh tế dần phục hồi; hiệu quả kinh doanh duy trì ổn định; cùng với kỳ vọng năng lực vốn sẽ được tăng cường trong thời gian tới thông qua tăng trưởng lợi nhuận và các kế hoạch bổ sung vốn.
- **KSV – Lãi kỳ lục gần 2.000 tỷ đồng, chốt ngày tổ chức ĐHĐCĐ giữa áp lực cơ cấu cổ đông:** Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (Vimico) (UPCoM: KSV) vừa thông qua ngày 16/03/2026 là ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026, dự kiến tổ chức ngày 22/04/2026 tại Hà Nội. Đại hội được xem là sự kiện quan trọng nhất năm, diễn ra trong bối cảnh doanh nghiệp vừa trải qua một năm bùng nổ lợi nhuận. Kết thúc năm 2025, Vimico ghi nhận doanh thu thuần 14.400 tỷ đồng, tăng hơn 1.100 tỷ đồng so với năm trước, trong khi lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt kỷ lục 1.999 tỷ đồng, tăng 63,6%. EPS đạt 10.115 đồng/cổ phiếu – mức cao nhất từ trước đến nay. Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ việc giá vàng bình quân năm 2025 đạt trên 2,55 tỷ đồng/kg, tăng gần 759 triệu đồng/kg so với cùng kỳ, bên cạnh đóng góp tích cực từ đồng tấm, bạc và kẽm.
- **PVT – Đặt kế hoạch 2026 thận trọng, tiếp tục đầu tư mạnh vào đội tàu:** Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans) (HOSE: PVT) đã được Ban Giám đốc phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2026 với định hướng thận trọng sau giai đoạn tăng trưởng cao. Cụ thể, PVT đặt mục tiêu doanh thu đạt 16.500 tỷ đồng (627 triệu USD) và lợi nhuận sau thuế 1.200 tỷ đồng (46 triệu USD), giảm khoảng 10% so với thực hiện năm 2025. Kế hoạch này phản ánh sự chủ động điều chỉnh trong bối cảnh thị trường vận tải biển có thể biến động về giá cước và nhu cầu thuê tàu. PVT dự kiến đầu tư 3.858 tỷ đồng (147 triệu USD) trong năm 2026, tập trung chủ yếu vào mở rộng và trẻ hóa đội tàu, nhằm nâng cao năng lực khai thác và đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật ngày càng cao của thị trường quốc tế.
- **VHC – Lợi nhuận 2025 đạt gần 1.400 tỷ đồng, xuất khẩu thủy sản lập kỷ lục nhưng áp lực 2026 gia tăng:** Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn (HOSE: VHC) khép lại năm 2025 trong bối cảnh ngành thủy sản Việt Nam đạt kim ngạch xuất khẩu kỷ lục 11,3 tỷ USD. Doanh nghiệp ghi nhận lợi nhuận cả năm gần 1.400 tỷ đồng (53,2 triệu USD), duy trì vị thế dẫn đầu ngành cá tra, dù lợi nhuận quý IV có dấu hiệu suy giảm do chi phí đầu vào tăng và biên lợi nhuận chịu áp lực.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Tỷ giá USD/VND tăng mạnh 0,5% so với hôm qua lên 26,188 đồng, mức cao nhất trong khoảng một tháng qua, do một số lý do như nhu cầu giao dịch VND giảm sau dịp Tết Nguyên Đán, trong khi nhập khẩu tăng mạnh khiến nhu cầu USD tăng trở lại (Việt Nam nhập siêu 1,8 tỷ USD trong 1 và 1 tỷ USD trong nửa đầu tháng 2), và chỉ số DXY cải thiện khi Fed có thể giảm lãi suất chậm hơn kỳ vọng.
- Trong bối cảnh lãi suất liên ngân hàng qua đêm giảm xuống 4,5% trong ngày 24/2. Ngân hàng Nhà nước đã hút ròng ~44 nghìn tỷ đồng thông qua kênh nghiệp vụ thị trường mở trong hai ngày đầu tuần.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,75	-0,1	3,8	15,2	54,4
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	8,45	-13,2	131,5	412,1	50,9
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	8,52	-6,4	41,5	3,3	65,4
USD/VND	26.187	-0,5	0,0	0,4	-2,7
DXY	97,82	0,1	0,2	-0,5	-8,2
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,03	0,1	-4,5	-3,2	-8,3
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,46	0,3	-5,6	-2,4	-17,2

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.159,00	-0,9	3,6	18,8	75,0
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	66,54	0,3	9,0	15,9	-5,9
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	71,66	0,2	8,8	17,8	-4,2
Thép (USD/tấn)	464,0	-0,6	-1,9	-1,8	-8,5
Thịt heo (USD/kg)	1,6	-4,8	-15,1	-12,5	-25,0
Gạo (USD/tấn)	455,9	0,7	-5,7	4,7	-25,3
Phân urea (USD/tấn)	428,5	6,5	14,4	25,1	14,3

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba 24/02/2026	Mỹ	Báo cáo thay đổi việc làm hàng tuần của ADP
Thứ Năm 26/02/2026	Mỹ	Đề Nghị Trợ Cấp Thất Nghiệp Lần Đầu
Thứ Sáu 27/02/2026	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất PPI (tháng trên tháng) tháng 01
	Mỹ	PPI lõi (Tháng trên tháng) tháng 01

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.469	4,9	3.501	54.600	73.300	35,3%	1,0%	18,0	2,8	17%
AST	130	0,0	5	75.800	85.400	16,0%	3,3%	13,8	5,8	45%
HVN	3.285	1,6	700	27.650	43.400	59,2%	2,3%	10,8	14,3	
VJC	3.859	13,4	904	186.600	113.600	-38,6%	0,5%	49,5	4,5	10%
Bán lẻ										
BAF	445	4,2	203	38.300	37.200	-2,9%		71,0	2,9	3%
DGW	441	4,8	118	52.200	49.600	-4,0%	1,0%	20,9	3,4	17%
FRT	1.112	3,5	180	171.000	150.300	-11,9%	0,2%	36,6	5,6	26%
MCH	7.379	2,0	2.573	149.000	147.000	0,0%	1,4%	28,9	10,7	46%
MWG	5.205	23,4	76	92.200	96.300	5,5%	1,1%	19,3	4,2	23%
PNJ	1.570	6,2	21	120.500	109.900	-8,0%	0,8%	14,9	3,1	23%
QNS	689	0,2	280	49.100	53.400	10,8%	2,0%	8,0	1,4	18%
SAB	2.390	3,7	995	48.800	59.900	26,8%	4,1%	14,6	3,0	20%
VHC	529	2,8	420	61.700	71.300	18,8%	3,2%	10,2	1,4	15%
VNM	5.603	16,7	2.778	70.200	74.800	10,6%	4,1%	17,4	4,8	27%
Tài chính										
ACB	4.708	11,7	130	24.000	31.300	34,0%	3,6%	7,9	1,3	18%
BID	13.071	14,2	1.659	48.750	47.200	-2,3%	0,9%	11,4	2,0	19%
CTG	11.330	22,1	521	38.200	49.000	29,1%	0,8%	8,6	1,7	21%
HDB	5.447	20,9	226	28.500	39.500	40,9%	2,3%	8,0	1,9	25%
LPB	4.860	3,2	204	42.600	33.400	-15,7%	5,9%	11,1	2,7	25%
MBB	8.690	30,0	2	28.250	32.900	18,2%	1,8%	8,5	1,7	22%
STB	4.564	26,4	697	63.400	45.700	-26,9%	1,0%	20,1	2,0	10%
TCB	9.688	16,1	0	35.800	40.300	15,4%	2,8%	10,0	1,5	16%
TPB	1.912	6,9	95	18.050	17.800	3,9%	5,3%	6,8	1,2	18%
VCB	20.740	23,4	1.912	65.000	69.300	7,3%	0,7%	15,4	2,4	17%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VIB	2.249	4,2	5	17.300	23.600	40,0%	3,5%	8,1	1,3	16%
VPB	8.786	22,1	452	29.000	37.100	29,7%	1,7%	9,6	1,4	15%
Dệt may										
MSH	164	0,8	71	38.150	40.600	16,9%	10,5%	7,0	2,2	33%
TCM	113	1,5	2	26.300	29.800	15,2%	1,9%	12,2	1,2	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.553	2,6	836	64.600	68.600	7,9%	1,7%	19,4	2,9	16%
GMD	1.300	4,3	126	79.800	72.000	-7,3%	2,5%	21,8	2,6	12%
HAH	404	4,0	92	62.600	55.400	-10,3%	1,2%	9,1	2,3	29%
VSC	356	7,6	167	24.900	19.100	-21,3%	2,0%	27,3	1,7	7%
IDC	688	5,1	238	47.500	45.600	-0,8%	3,2%	9,3	2,8	32%
KBC	1.259	6,2	477	35.000	30.000	-13,2%	1,1%	14,2	1,3	10%
PHR	327	1,7	118	63.200	68.400	10,4%	2,1%	18,1	2,1	13%
VTP	507	3,4	221	109.000	129.200	19,5%	1,0%	38,1	7,5	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	1.089	13,6	464	75.100	128.300	74,8%	4,0%	10,0	1,9	20%
HPG	8.295	37,3	2.331	28.300	30.000	7,0%	1,0%	14,1	1,7	13%
Dầu khí										
BSR	5.354	14,2	2.526	28.000	16.700	-38,8%	1,5%	27,0	2,3	9%
GAS	10.182	10,6	4.754	110.500	78.400	-27,2%	1,8%	23,4	4,0	18%
OIL	679	2,8	41	17.200	14.800	-12,5%	1,5%	54,4	1,7	3%
PLX	2.800	11,8	126	57.700	47.700	-15,3%	2,1%	30,7	2,8	10%
PVD	785	10,2	285	37.000	32.600	-5,1%	6,8%	22,5	1,2	6%
PVS	918	11,9	293	47.000	41.800	-9,7%	1,4%	13,2	1,6	13%
PVT	395	3,8	152	22.000	23.400	7,4%	1,0%	9,9	1,2	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	698	4,5	313	26.900	22.700	-12,4%	3,2%	17,9	1,6	10%
DCM	849	3,9	370	42.000	40.000	0,0%	4,8%	13,5	2,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
DDV	172	1,4	80	30.800	39.700	31,8%	2,9%	26,7	2,5	10%
PLC	98	0,9	47	31.800	34.100	8,8%	1,6%	189,3	2,0	9%
Điện										
POW	1.628	7,1	735	13.900	14.400	4,8%	1,2%	16,8	1,1	7%
Điện và BĐS										
HDG	387	2,3	119	27.400	37.400	38,0%	1,5%	14,4	1,5	11%
PC1	410	4,5	141	26.100	26.500			11,6	1,6	15%
REE	1.289	1,2	0	62.300	76.600	24,6%	1,6%	13,3	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	680	8,2	188	16.000	18.300	26,9%	12,5%	69,3	1,3	2%
KDH	1.211	6,3	265	28.250	41.800	49,0%	1,0%	32,2	1,7	5%
NLG	531	2,8	39	28.650	42.200	48,9%	1,6%	19,6	1,1	6%
VHM	17.410	32,1	7.292	111.000	93.600			11,1	1,9	19%
VRE	2.560	13,2	947	29.500	32.000	12,0%	3,6%	10,4	1,4	14%
Công nghệ										
FPT	6.017	32,6	613	92.500	118.200	28,9%	1,1%	16,8	4,3	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA